

Bản án số: **03/2020/HNGĐ-ST**  
Ngày: **14-01-2020**  
V/v “ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TÂY NINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Ngọc Phượng.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Hoàng Đình Ngân;

Ông Nguyễn Văn Sua.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hà – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Huỳnh Như – Kiểm sát viên.

Ngày **14** tháng **01** năm **2020** tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: **552/2019/TLST-HNGĐ** ngày **16** tháng **8** năm **2019** về việc “ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: **120/2019/QĐXXST-HNGĐ** ngày **04** tháng **12** năm **2019**, giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1985 (có đơn vắng mặt).

Địa chỉ: Số 4A, Ấp 5, xã P, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh.

**2. Bị đơn:** Anh Trần Thanh H, sinh năm 1978 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số 7, Tổ 6, Hẻm 22, Đường 786, ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ngày **14/8/2019** và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn – chị Nguyễn Thị L trình bày:

Chị và anh Trần Thanh H chung sống với nhau năm 2002, đến ngày **11/6/2003** thì đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phước Kiển, huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng ý kiến về vấn đề tiền bạc và anh H ghen tuông vô cớ nên vợ chồng thường

hay cãi vã nhau. Anh H bỏ đi và vợ chồng sống ly thân từ năm 2013 cho đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị yêu cầu được ly hôn với anh H.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung tên Trần Thị Thúy N, sinh ngày 21/3/2003 và Trần Thị Thúy D, sinh ngày 16/4/2006. Hiện tại hai con chung đang sống chung với chị. Chị yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con chung. Chị không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản khi ly hôn.

*Bị đơn – anh Trần Thanh H:* Tòa án đã triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng anh H không đến, không có lý do và cũng không gửi văn bản trình bày kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị L nên không có ý kiến trình bày.

*Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa:*

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Thị L. Về con chung: giao cho chị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh H không phải cấp dưỡng nuôi con do chị L không yêu cầu. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét. Về nợ chung: Không có nên không đặt ra xem xét.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:*

\* Về tố tụng:

[1] Căn cứ đơn khởi kiện cùng các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có cơ sở xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là “ly hôn, tranh chấp về nuôi con” được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn cư trú tại Tổ 6, Hẻm 22, đường 786, ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

[3] Chị Nguyễn Thị L đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Anh Trần Thanh H đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng và trở ngại khách quan. Căn cứ vào quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị L và anh H.

\* Về nội dung:

[1] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L và anh Trần Thanh H chung sống với nhau vào năm 2002 là hôn nhân tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phước Kiển, huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày **11/6/2003**. Nên hôn nhân giữa chị L và anh H là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Xét thấy: Sau khi kết hôn, chị L và anh H chung sống hạnh phúc, đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng theo chị L trình bày là do vợ chồng bất đồng ý kiến về vấn đề tiền bạc, anh H ghen tuông vô cớ nên vợ chồng thường hay cãi vã nhau. Anh H bỏ nhà đi và vợ chồng sống ly thân từ năm 2013 cho đến nay.

Thấy rằng: Theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì: “Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình...”. Hội đồng xét xử nhận thấy, thời gian ly thân giữa chị L và anh H đã lâu, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị L đối với anh H.

[2] Về con chung: Chị Nguyễn Thị L và anh Trần Thanh H có 02 con chung tên Trần Thị Thúy N, sinh ngày 21/3/2003 và Trần Thị Thúy D, sinh ngày 16/4/2006. Chị L yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con chung, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy, hiện tại cháu N và cháu D đang sống cùng với chị L. Quá trình giải quyết vụ án, các cháu cũng có nguyện vọng được tiếp tục sống chung với chị L. Do đó, Hội đồng xét xử nhận thấy, yêu cầu của chị L có cơ sở chấp nhận, nên giao cháu Trần Thị Thúy N và cháu Trần Thị Thúy D cho chị L tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp, đúng pháp luật.

[3] Về tài sản chung: Chị **Nguyễn Thị L** không yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản khi ly hôn nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Chị **Nguyễn Thị L** phải chịu theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị L và anh Trần Thanh H.
2. Về con chung: Giao hai con chung Trần Thị Thúy N, sinh ngày

21/3/2003 và Trần Thị Thúy D, sinh ngày 16/4/2006 cho chị Nguyễn Thị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Trần Thanh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị L không yêu cầu.

Anh Trần Thanh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị L không yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản khi ly hôn nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số **0006208** ngày **16/8/2019** của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành. Chị L đã nộp xong.

Các đương sự có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- P.KTNV – TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THA.DS huyện Châu Thành;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thị Ngọc Phượng**